

Bản án số: **28/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 08/5/2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TỈNH ĐIỆN B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Ngân và bà Lò Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Huế - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh Điện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- tỉnh Điện B: Bà Tăng Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 2- tỉnh Điện B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/03/2026 về: ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quàng Thị B, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Bản P, xã T, tỉnh Điện B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn S, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Điện B. Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2, trại giam số 5, xã Y, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2026, bản tự khai ngày 09/4/2026 của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Quàng Thị B và anh Lò Văn S đăng ký kết hôn vào ngày 7/4/2016 tại UBND xã M, hôn nhân tự nguyện, sống hạnh phúc một thời gian sau anh S nghiện ma túy, kinh tế khó khăn hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, năm 2020 chị B đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở bản P, xã T sống cho đến nay, không còn liên lạc với anh S, anh S cũng không quan tâm gì đến mẹ con chị B. Nay tình cảm không còn, chị B đề nghị cho ly hôn với anh Lò Văn S.

- *Về con chung*: Chị Quàng Thị B và anh Lò Văn S có hai con chung là: cháu Lò Đại Lâm, sinh ngày 05/4/2015 và Lò Việt Đức, sinh ngày 14/12/2016. Hiện nay các cháu đang được chị B chăm sóc nuôi dưỡng tại bản Pa Xá, xã Thanh Yên, tỉnh Điện B. Chị B có nguyện vọng được nuôi cả hai con cho đến khi các con thành niên và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, riêng; nợ lấy về, nợ phải trả, diện tích ruộng nương*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Lò Văn S hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Y, tỉnh Thanh Hóa. Tại bản tự khai ngày 31/3/2026 và trong đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện: Hai vợ chồng kết hôn vào năm 2013; có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, hôn nhân tự nguyện, đã có hai con chung như chị B trình bày. Năm 2023 do bản thân chơi bời, sử dụng trái phép chất ma túy, bỏ bê gia đình, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Tháng 8/2024, anh S bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 20 năm tù. Nay chị B có đơn xin ly hôn anh S đồng ý và đồng ý để chị B nuôi hai con. Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những người có quyền lợi, lợi ích cần được bảo vệ: Cháu Lò Đại L, sinh ngày 05/4/2015 và cháu Lò Việt Đ, sinh ngày 14/12/2016 có đơn nguyện vọng và lời khai ngày 09/4/2026 thể hiện hiện đang được mẹ nuôi dưỡng, ở cùng ông bà ngoại từ nhỏ và muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Điện B có ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện B. Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án*: Đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Quàng Thị B với anh Lò Văn S; giao cháu Lò Đại Lâm, sinh ngày 05/4/2015 và Lò Việt Đức, sinh ngày 14/12/2016 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị B không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Các đương sự khai về tài sản riêng, chung; nợ lấy về, nợ phải trả không có, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về án phí chị B thuộc diện được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên đề nghị xem xét miễn án phí cho chị B.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật, thẩm quyền và sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa.

Chị Quàng Thị B có đơn xin ly hôn và nguyện vọng nuôi con chung khi ly hôn với anh Lò Văn S cư trú tại bản N, xã M, tỉnh Điện B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khu vực 2, tỉnh Điện B theo khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Quàng Thị B thấy rằng:

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/2016 ngày 07/04/2016 của UBND xã Mường Luân cấp cho chị Quàng Thị B và anh Lò Văn S chứng tỏ các đương sự kết hôn vào năm 2016 không phải vào năm 2013 như bị đơn Lò Văn S trình bày. Tại thời điểm đăng ký kết hôn hai bên tự nguyện, đủ tuổi kết hôn, UBND xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn là đúng quy định của pháp luật. Do đó có căn cứ khẳng định hôn nhân giữa chị Quàng Thị B và anh Lò Văn S là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đều có lời khai thống nhất ly hôn, qua lời trình bày của các đương sự, xác minh của Tòa án cho thấy mâu thuẫn hôn nhân xuất phát từ việc anh Lò Văn S nghiện ma túy, bỏ bê gia đình, hai bên đã sống ly thân từ 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Quàng Thị B cho được ly hôn với anh Lò Văn S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B và anh S có 02 con chung là cháu Lò Đại L, sinh ngày 05/4/2015 và Lò Việt Đ, sinh ngày 14/12/2016. Xét thấy các con đều có nguyện vọng ở với mẹ và thực tế từ năm 2020 đến nay các cháu đang được mẹ là chị Quàng Thị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục còn anh Lò Văn S đang chấp hành án phạt tù từ năm 2024 với mức án 20 năm. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị B, giao cả hai con cho chị B có trách nhiệm nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị B đã được Tòa án giải thích quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên chị B cho rằng anh S đang chấp hành án phạt tù không có khả năng cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung riêng; nợ chung, riêng của các đương sự: các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Quàng Thị B có đơn xin miễn án phí vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều

14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Quàng Thị B được ly hôn với anh Lò Văn S

2. Về con: Giao cháu Lò Đại L, sinh ngày 05/4/2015 và cháu Lò Việt Đ, sinh ngày 14/12/2016 cho chị Quàng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình

3. Về tài sản chung riêng; nợ chung, riêng của các đương sự: các đương sự khai không có, Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị B và anh Lò Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Điện B;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện B;
- UBND xã Mường Luân, T.ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga

